

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST
Ngày 22-5-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KỶ ANH, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Tư

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thu Lâm và ông Nguyễn Văn Luận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh: Ông Lê Văn Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 07/2024/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 02 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phan Thị T**, sinh năm: 1988; Địa chỉ: **Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh**. (có mặt)

- Bị đơn: Anh **Trần Việt A**, sinh năm: 1988; Địa chỉ: **Tổ L, tổ dân phố B, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh**. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, trong quá tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị **Phan Thị T** trình bày:*

Chị **Phan Thị T** với anh **Trần Việt A** tự do tìm hiểu, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện đến với nhau để xây dựng hạnh phúc gia đình, có đăng ký kết hôn vào ngày 05-8-2021, tại **UBND phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh**. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được hơn 05 tháng. Đến tháng 3 năm 2022, vợ chồng

bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, lời qua tiếng lại và thỉnh thoảng anh **Trần Việt A** không kiềm chế được bản thân đã đánh đập chị **T**. Chị **T** không chịu đựng được nên đã chuyển về nhà ngoại ở từ tháng 3 năm 2024 cho đến nay. Mặc dù đã nhiều lần được hai bên gia đình phân tích, hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay, chị **Phan Thị T** nhận thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **Trần Việt A**; Về con chung: Quá trình hôn nhân vợ chồng có 01 con chung là cháu **Trần Việt N**, sinh ngày 30/11/2021. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu **Trần Việt N** sinh sống cùng với chị **T** tại **thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh**. Chị **T** có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **Trần Việt N** và không yêu cầu anh **Trần Việt A** cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản và nợ chung: Chị **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh **Trần Việt A** có đến Tòa án làm việc vào ngày 29-3-2024 nhưng không viết bản tự khai, tại biên bản lấy lời khai, anh **Trần Việt A** trình bày: Anh đồng ý về quá trình đi đến hôn nhân, con chung cũng như tài sản chung và nợ chung như chị **T** đã trình bày; Về nguyên nhân mâu thuẫn anh **A** cho rằng do chị **T** không coi trọng chồng và gia đình bên chồng, không có ý thức vun vén hạnh phúc gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã; Về tình cảm: Anh nhận thấy tình cảm giữa anh với chị **T** đang còn, mong muốn chị **T** quay về đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình, chăm lo con cái nên anh **Trần Việt A** không đồng ý ly hôn. Về con chung: Nếu chị **T** nhất quyết ly hôn thì anh **Trần Việt A** cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **Trần Việt N**. Về tài sản, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên anh không có yêu cầu gì.

Sau khi trình bày ý kiến, anh **Trần Việt A** đã được nghe, tự đọc lại, công nhận là biên bản ghi đúng lời khai của mình nhưng không ký vào biên bản lấy lời khai và tự ý bỏ ra về.

Toà án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh **Trần Việt A** không chấp hành và không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên chị **T** đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Anh **Trần Việt A** vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71; bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh **Trần Việt A**.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị **Phan Thị T** được ly hôn với anh **Trần Việt A**; Về con chung: Giao con chung cháu **Trần Việt N**, sinh ngày: 30-11-2021 cho chị **Phan Thị T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Tròn 18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện của chị **Phan Thị T** về việc không yêu cầu anh **Trần Việt A** cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí: Buộc chị **Phan Thị T** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị **Phan Thị T** khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh **Trần Việt A** và yêu cầu giải quyết về con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn **Trần Việt A** hiện nay đang cư trú tại **tổ L, tổ dân phố B, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh** nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh **Trần Việt A** nhưng anh **Trần Việt A** vắng mặt lần thứ hai tại phiên toà không có lý do; Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn **Trần Việt A**.

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Phan Thị T** với anh **Trần Việt A** đăng ký kết hôn vào ngày 05-8-2021, tại **UBND phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh**. Hôn nhân giữa chị **T** và anh **A** được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Do đó hôn nhân giữa chị **T** và anh **A** là hợp pháp.

- Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị **T** nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, lời qua tiếng lại, anh **Trần Việt A** không kiềm chế được bản thân nên đã đánh đập chị **T** nên dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mặc dù mâu thuẫn giữa chị và anh **Trần Việt A** đã được hai bên gia đình nội ngoại hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do không thể sống chung với nhau được nữa nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2024 đến nay. Từ khi sống ly thân vợ chồng không còn ai quan tâm, chăm sóc tới nhau nữa, khiến tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc. Mặc dù anh **Trần Việt A** không đồng ý ly hôn nhưng xét thấy chị **T** và anh **A** đã không còn chung sống với nhau thời gian dài, không còn quan tâm chăm sóc với nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị **Thương yêu c** ly hôn là có căn cứ. Vì vậy, cần áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **T** xử cho ly hôn với anh **Trần Việt A**.

[3.2]. Về con chung:

Quá trình hôn nhân vợ chồng có 01 con chung là cháu **Trần Việt N**, sinh ngày 30/11/2021. Chị **T** có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Trần Việt N** và không yêu cầu anh **A** cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu **Trần Việt N** còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu **Trần Việt N** sinh sống ổn định cùng chị **T** tại **Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh**. Vì vậy, xét nguyện vọng của chị **T** là thực tế, tránh làm xáo trộn cuộc sống, ảnh hưởng đến tâm lý của cháu **Trần Việt N**. Do đó, căn cứ các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, cần giao cháu **Trần Việt N** cho chị **T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ tròn 18 tuổi là phù hợp.

Chị **T** không yêu cầu anh **A** thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3]. Về tài sản, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về án phí và quyền kháng cáo: Chị **Phan Thị T** là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí Ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 264, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị **Phan Thị T** với anh **Trần Việt A**
2. Về nuôi con chung:

Giao con chung cháu **Trần Việt N**, sinh ngày: 30-11-2021 cho chị **Phan Thị T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu **Trần Việt N** thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của chị **Phan Thị T** về việc không yêu cầu anh **Trần Việt A** cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị **Phan Thị T** phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0014645 ngày 27-2-2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh. Chị **Phan Thị T** đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú cuối cùng.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Kỳ Anh ;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Chi cục THADS T.X Kỳ Anh;
- UBND phường Hưng Trí,
thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

T.M/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Văn Tư